



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT
Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.04.07.2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

24.06.25.A6(M1): Vòi phát Xí nghiệp Hưng Hà

24.06.25.A7(M2):GD Nguyễn Thị Hồng - Khu Đãn Tràng II – TT Hưng Hà – H.Hưng Hà - TTB

24.06.25.A8(M3):GD Đặng Huy Hoàng - Khu Đồng Tu I – TT Hưng Hà – H. Hưng Hà - TTB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Hưng Hà

5. Địa chỉ: Khu Thị Độc – Thị Trấn Hưng Hà – Huyện Hưng Hà – Tỉnh Thái Bình

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Cao Văn Thành

7. Ngày nhận mẫu: 24/06/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 24/06/2025

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025 (LoD= 1.13)	KPH	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	6.64	6.61	6.62	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.067	0.125	0.173	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021 (LoD= 0.05)	0.67	0.65	0.47	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008 (LoD= 0.012)	KPH	KPH	KPH	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149 (LoD= 0.006)	< 0.018	< 0.018	< 0.018	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02)	165	165	170	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni (*)	Method 8038 (LoD= 0.02)	KPH	KPH	KPH	mg/L	0.3

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "***" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 02/KQXN.04.07.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	Method 8507 (LoD= 0.0015)	< 0.0052	< 0.0052	< 0.0052	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Method 8051 (LoD= 1.22)	KPH	KPH	KPH	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996 (LoD= 0.10)	< 0.34	KPH	KPH	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua (*)	TCVN 6194:1996 (LoD= 1.20)	198.53	186.51	184.23	mg/L	250 hoặc 300

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCĐP 01: 2023/TB
			M1	M2	M3		
14.	Hàm lượng Asen (**)	SMEWW3114B:2017	<0.65x10 ^{-3(b)}	<0.65x10 ^{-3(b)}	<0.65x10 ^{-3(b)}	mg/L	0.01

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCĐP 01: 2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (Kết quả dưới mức LoD)
- LoD (b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Colifom: 0.1CFU/100ml

Hưng Yên, ngày 04 tháng 07 năm 2025



TRƯỞNG PHÒNG KH-KT

Nguyễn Trung Kiên

TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM

Phùng Thị Thu Hà

- Lưu ý:**
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
 2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPHN.
 3. "*" Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
 4. "***" Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.